

Số: 81 /XNK-CBTT

An Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
 - Mã chứng khoán: **AGM**
 - Địa chỉ: Số 01 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Điện thoại: 0296. 3844 669 - 9999 999 Fax: 0296.3843 239.
 - E-mail: info@angimex.com
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo Tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán.
 - Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán.
 - Giải trình Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2023 đã kiểm toán.
Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán.
Giải trình về ý kiến của Công ty kiểm toán.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày 28/03/2025 tại địa chỉ: <http://www.angimex.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán.
- Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.
- Văn bản số 80/XNK-TCKT ngày 28/03/2025 về việc: (1) Giải trình Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2023 đã kiểm toán, (2) Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và (3) Giải trình về ý kiến của Công ty kiểm toán.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu: VT, Ngân hàng

CÔNG TY
CP XUẤT
NHẬP
KHẨU AN
GIANG

Digitally signed by CÔNG TY CP XUẤT
NHẬP KHẨU AN GIANG
DN: C=VN, S=AN GIANG, L=Huyện Châu
Thành, CN=CÔNG TY CP XUẤT NHẬP
KHẨU AN GIANG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
1600230737
Reason: I am the author of this document
Location: vnpt1234
Date: 2025-03-28 14:22:48
Foxit Reader Version: 9.3.0

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lương Đức Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
AN GIANG**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 57

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (gọi tắt là "Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600230737 thay đổi gần nhất là lần thứ 29 ngày 21 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là "AGM" theo quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 09 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 VND.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
- Điện thoại: 0296.3841548 - 3844920
- Fax: 0296.3843239 - 3945565
- Website: www.angimex.com.vn

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xay xát thóc lúa và sản xuất bột thô;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Lê Tiến Thịnh	Chủ tịch	
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Chu Văn Dũng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên	

Ủy Ban Kiểm toán

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Chu Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024
Ông Võ Kim Nguyên	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lương Đức Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2024
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2024
Ông Bùi Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 09 năm 2024

Đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Tập đoàn đến thời điểm hiện tại là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lương Đức Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2024
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2024

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 425.763.746.291 VND vượt vốn chủ sở hữu là 243.763.746.291 VND và tại ngày đó, Tập đoàn có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.071.899.895.780 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Tập đoàn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị đã lập kế hoạch về lợi nhuận và đang làm việc với các tổ chức tín dụng để tái cấu trúc lại nguồn vốn vay. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

8. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Ông LƯƠNG ĐỨC TÂM

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025



Số: 196/2025/BCKTHN-HCM.01504

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Giang (được gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 57 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.3 của thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 20/02/2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp. Vào ngày 10/03/2023, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. Tại ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp không còn là công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Khánh Tây Đô chưa thực hiện thanh toán đầy đủ khoản chuyển nhượng vốn góp theo thỏa thuận của Hợp đồng nêu trên với số tiền còn nợ là 17.000.000.000 VND, tương ứng 34% giá mua.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đã nộp đơn tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến cơ quan Cảnh Sát Điều Tra Công An tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp tương ứng với số nợ không đòi được.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.4.1 của Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện đối với khoản tiền trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh và Ông Lê Quang Nhuận đến thời điểm này do không thu hồi được, số tiền lần lượt là 24.500.000.000 VND và 20.000.000.000 VND. Các vấn đề này sẽ tùy thuộc vào sự hợp tác của các bên bị khởi kiện cũng như phán quyết của Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền.

Bên cạnh đó, như đã nêu tại mục 5.4.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thúy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022 với tổng giá trị hợp đồng là 182.600.000.000 VND, số tiền đã trả trước cho Bà Huỳnh Thị Thúy Vy là 179.040.016.890 VND và đã được Hội đồng Quản trị thông qua. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên Công ty theo Công văn số 531/STNMT-QLĐĐ ngày 14/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh tại mục 5.21.1 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có trái phiếu đến hạn thanh toán gốc là lãi trái phiếu. Tuy nhiên, đến ngày phát hành báo cáo này Tập đoàn vẫn chưa thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu trên do tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn, Tập đoàn hiện chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán lãi các kỳ hạn của hai gói Trái phiếu AGMH2123001 và AGMH2223001. Vào ngày 24/07/2024, Công ty Angimex nhận được các quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang liên quan đến trái chủ của mã trái phiếu AGMH2123001. Đến ngày phát hành báo cáo này căn cứ vào bản án số 325/2024/DS-PT và bản án số 325/2024/DS-PT ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang về việc "Tranh chấp giao dịch mua bán trái phiếu" và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 05/2025/QĐ-SCBSBA và quyết định số 06/2025/QĐ-SCBSBA ngày 19/02/2025 yêu cầu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) phải trả gốc, lãi và các phí khác có liên quan theo bản án cho các trái chủ được nêu trong bản án nêu trên.

Như đã nêu tại mục 1.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, do tình hình kinh doanh khó khăn nên hai Công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành và Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp đã tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh mà chuyển sang cho thuê nhà máy, tài sản.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh tại mục 9.4 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 425.763.746.291 VND vượt vốn chủ sở hữu là 243.763.746.291 VND và tại ngày đó, Tập đoàn có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.071.899.895.780 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác nêu trong Thuyết minh mục 9.4, cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Ý kiến kiểm toán của Chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 25 tháng 03 năm 2024, về các nội dung sau:

+ Ngoại trừ do kiểm toán viên chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận của các khoản nợ phải thu khách hàng, Trả trước cho người bán, khoản nợ khó có khả năng thu hồi và khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

+ Nhấn mạnh về khoản phải thu từ chuyển nhượng vốn góp chưa thu hồi được và các khoản nợ đã quá hạn chưa thu hồi và đã được đưa ra Tòa án và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp để tiến hành xét xử; khoản lãi lỗ từ Công ty liên doanh, liên kết căn cứ theo báo cáo tài chính tự lập; các khoản nợ khó đòi và tài sản thiếu chờ xử lý chưa được xác định lại giá trị lợi thế thương mại tại ngày mua và về việc tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển sang hoạt động cho thuê tài sản ở hai công ty con gián tiếp.



TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

LÂM HOÀI NHÂN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5907-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		194.399.973.410	344.928.362.108
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.751.655.784	7.362.686.712
Tiền	111		3.280.957.747	7.362.686.712
Các khoản tương đương tiền	112		2.470.698.037	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	8.828.400.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	8.828.400.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.835.411.828	282.116.585.499
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	176.053.139.187	214.967.181.659
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4.1	146.831.683.032	163.877.773.245
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.7	3.280.000.000	1.700.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	73.995.711.315	73.824.657.403
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(243.325.121.706)	(172.253.026.808)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.8	10.255.254.615	25.086.652.060
Hàng tồn kho	141		19.073.109.991	25.086.652.060
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.817.855.376)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.557.651.183	21.534.037.837
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	138.496.439	85.260.313
Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.419.154.744	20.948.525.415
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	500.252.109
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		842.492.598.470	892.151.413.225
Các khoản phải thu dài hạn	210		213.041.016.890	223.258.632.118
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4.2	213.040.016.890	223.240.016.890
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	1.000.000	18.615.228
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		443.659.962.048	445.982.242.233
Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	178.507.571.985	170.021.855.560
Nguyên giá	222		379.994.046.219	363.094.791.520
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(201.486.474.234)	(193.072.935.960)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.12	76.889.385.312	82.768.165.836
Nguyên giá	225		91.045.137.627	91.045.137.627
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(14.155.752.315)	(8.276.971.791)
Tài sản cố định vô hình	227	5.13	188.263.004.751	193.192.220.837
Nguyên giá	228		205.742.779.987	205.958.103.987
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.479.775.236)	(12.765.883.150)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		12.638.604.407	4.911.600.000
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.14	12.638.604.407	4.911.600.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.17	87.453.292.970	121.453.032.134
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		81.017.492.970	121.149.032.134
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.455.750.000	323.950.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.950.000)	(19.950.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		85.699.722.155	96.545.906.740
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	4.049.374.438	5.399.497.103
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.10	81.650.347.717	91.146.409.637
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.036.892.571.880	1.237.079.775.333

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.280.656.318.171	1.215.253.196.135
Nợ ngắn hạn	310		1.266.299.869.190	1.182.332.669.362
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	32.285.236.062	16.517.831.922
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	70.418.731.534	93.063.358.706
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	1.458.668.365	154.336.424
Phải trả người lao động	314		859.710.130	1.028.503.220
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	188.267.644.231	84.826.845.310
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20.1	26.723.324.931	26.347.380.050
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21.1	941.785.311.320	955.938.077.128
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		579.068.125	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.22	3.922.174.492	4.456.336.602
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		14.356.448.981	32.920.526.773
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.20.2	945.200.000	668.200.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21.2	12.075.150.965	30.675.378.757
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.23	1.336.098.016	1.576.948.016
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(243.763.746.291)	21.826.579.198
Vốn chủ sở hữu	410	5.24	(243.763.746.291)	21.826.579.198
Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(425.763.746.291)	(160.173.420.802)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(165.969.126.260)	54.748.290.582
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(259.794.620.031)	(214.921.711.384)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.036.892.571.880	1.237.079.775.333

HUYNH MINH PHƯƠNG
Người lập biểu

TRẦN THỊ CẨM CHÂM
Kế toán trưởng

LƯƠNG ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	240.921.330.477	788.771.843.867
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.517.975	807.847.144
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		240.919.812.502	787.963.996.723
Giá vốn hàng bán	11	6.2	249.217.836.237	768.899.325.495
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(8.298.023.735)	19.064.671.228
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.197.181.016	19.723.034.218
Chi phí tài chính	22	6.4	107.287.200.071	102.881.761.113
Trong đó: chi phí lãi vay	23		93.173.237.828	111.260.639.541
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(18.669.575.754)	(22.637.457.045)
Chi phí bán hàng	25	6.5	6.951.969.653	46.464.451.126
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	128.366.914.286	67.091.195.302
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(260.376.502.483)	(200.287.159.140)
Thu nhập khác	31	6.7	1.562.392.202	19.622.349.686
Chi phí khác	32	6.8	980.509.750	39.969.661.029
Lợi nhuận khác	40		581.882.452	(20.347.311.343)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(259.794.620.031)	(220.634.470.483)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.18	-	231.136.573
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(259.794.620.031)	(220.865.607.056)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(259.794.620.031)	(214.921.711.384)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	(5.943.895.672)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(14.274)	(11.809)

HUỖNH MINH PHƯƠNG
Người lập biểu

TRẦN THỊ CẨM CHÂM
Kế toán trưởng

LƯƠNG ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(259.794.620.031)	(220.634.470.483)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		23.994.991.744	34.418.871.668
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		80.521.518.399	(12.704.656.050)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		839.313.882	7.733.986.810
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		10.474.476.570	6.849.052.925
Chi phí lãi vay	06		93.173.237.828	111.260.639.541
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(50.791.081.608)	(73.076.575.589)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34.337.333.535)	198.985.354.138
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.828.279.847	105.418.893.340
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		77.418.724.437	(137.996.430.024)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.810.072.336	4.206.286.865
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	62.505.203.375
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.163.407.636)	(51.645.185.539)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(736.841.904)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.303.027	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(537.465.137)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.768.908.269)	107.660.704.662
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(14.400.548.182)	(77.644.112.905)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		30.492.878.380	109.433.548.636
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.520.000.000)	(971.066.642)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		12.768.400.000	29.571.600.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.085.636.452	54.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.288.688.388	5.937.053.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		40.715.055.038	120.327.022.218

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	62.550.826.210	621.028.030.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(88.713.739.218)	(844.766.306.987)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	7.3	(7.394.250.062)	(8.114.807.725)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.557.163.070)	(231.853.084.712)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.611.016.301)	(3.865.357.832)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.362.686.712	11.226.300.334
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.627)	1.744.210
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	5.751.655.784	7.362.686.712

HUỖNH MINH PHƯƠNG
Người lập biểu

TRẦN THỊ CẨM CHÂM
Kế toán trưởng

LƯƠNG ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600230737 thay đổi gần nhất là lần thứ 29 ngày 21 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là "AGM" theo quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 09 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 VND.

Trụ sở chính Công ty đặt tại Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh lương thực.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xay xát thóc lúa và sản xuất bột thô;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Lương Thực Angimex	Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh lương thực	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Số thửa 55, tờ bản đồ 19, Xã Lương An Trà, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Kinh doanh lương thực	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex) (*)	Tổ 8, Ấp Hòa Thới, Xã Định Thành, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Kinh doanh lương thực	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Đồng Tháp (Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex) (*)	Đường ĐT852, Ấp Tân Lập, Xã Tân Quy Tây, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Kinh doanh lương thực	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex (**)	Ấp Bắc Sơn, Thị trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Sản xuất các sản phẩm từ trấu	100,00%	100,00%	100,00%

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2024, hai Công ty này không có hoạt động sản xuất kinh doanh mà chủ yếu tạm cho thuê nhà máy, kho và tài sản.

(**) Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex được thành lập ngày 18/04/2022, từ ngày thành lập đến nay Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang chưa thực hiện góp vốn vào. Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 333/NQ-HĐQT ngày 11/10/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đã ra quyết định giải thể Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex với lý do sắp xếp lại cơ cấu tổ chức. Công ty TNHH MTV Kỹ nguyên xanh Angimex đã hoàn thành thủ tục giải thể đóng mã số thuế vào ngày 27/11/2024.

Các Công ty liên doanh, liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Xuất nhập khẩu gạo	32,96%	32,96%	32,96%
Công ty Cổ phần Golden Paddy	Ấp Phú Hòa 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh lương thực	29,55%	29,55%	29,55%
Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	14 Nguyễn Văn Vĩnh, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh lương thực	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Angimex Furious	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; dịch vụ sửa chữa	49,00%	49,00%	49,00%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo sổ

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Kinh doanh lương thực	Tầng 4, số 353 - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

- 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.
- 1.7 Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 69 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 111 người).
- 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**
- 2.1 Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên có giao dịch.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

Chi phí khác chờ phân bổ

Chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	2 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 15

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 13 - 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Thời gian (năm)

Máy móc thiết bị

15

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Trong năm, Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Tập đoàn trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- + Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- + Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Lương Thực Angimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Đồng Tháp	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Golden Paddy	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	Công ty liên kết
Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty Cổ phần An Trường An	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty Cổ phần GKM Holdings	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty TNHH Liên Hoa Đồng Tiến	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Thuận Thành	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ NTH	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Septem	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty TNHH Chu Gia An Giang	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	7.073.169	134.160.502
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.241.884.578	7.228.526.210
- VND	3.079.289.076	7.114.655.001
- USD (*)	162.595.502	113.871.209
Các khoản tương đương tiền (**)	2.470.698.037	-
Tiền đang chuyển	32.000.000	-
	5.751.655.784	7.362.686.712

(*) Chi tiết số dư ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.439,17	162.595.502
		162.595.502

(**) Chi tiết số dư khoản tiền tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	31/12/2024 VND
Ngân hàng Seabank	1 tháng	3,05%	2.470.698.037
			2.470.698.037

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	8.828.400.000
	-	8.828.400.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu là các bên liên qua				
Công ty Cổ phần Louis Holdings	851.763.953	-	3.989.963.953	-
Công ty Cổ phần Golden Paddy	6.704.922.850	(6.704.922.850)	6.704.922.850	(6.704.922.850)
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH Khánh Tây Đô (*)	17.000.000.000	(11.366.779.492)	17.000.000.000	-
Công ty Cổ phần APC Holdings	59.378.512.882	-	94.545.512.426	-
Công ty TNHH Hateco	24.100.000.000	(24.100.000.000)	24.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Golden Paddy Sg	30.966.407.000	(30.966.407.000)	30.966.407.000	(30.966.407.000)
Công ty TNHH Thương mại Dũng Kỳ	19.924.000.000	(19.924.000.000)	19.924.000.000	-
Các khách hàng khác	17.127.532.502	(2.004.481.046)	17.736.375.430	(1.980.421.790)
	176.053.139.187	(95.066.590.388)	214.967.181.659	(39.651.751.640)

(*) Đây là khoản nợ liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp. Vào ngày 20/02/2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp. Vào ngày 10/03/2023, Tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. Tại ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp không còn là công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Khánh Tây Đô chưa thực hiện thanh toán đầy đủ khoản chuyển nhượng vốn góp theo thỏa thuận của Hợp đồng nêu trên với số tiền còn nợ là 17.000.000.000 VND, tương ứng 34% giá mua.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đã nộp đơn tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến cơ quan Cảnh Sát Điều Tra Công An tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp tương ứng với số nợ không đòi được.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần An Trường An - Chi nhánh Hồ Chí Minh	237.164.909	-	-	-
Trả trước cho người bán khác				
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	50.040.390.000	(50.040.390.000)	50.040.390.000	(50.040.390.000)
Công ty Cổ phần APC Holdings	23.437.533.490	-	15.590.000.000	-
Từ Thị Hồng Thanh (*)	24.500.000.000	(24.500.000.000)	24.500.000.000	(24.500.000.000)
Lê Quang Nhuận (**)	20.000.000.000	(20.000.000.000)	20.000.000.000	(20.000.000.000)
Phạm Mai Phương	920.000.000	-	20.350.000.000	-
Công ty TNHH Tân Kỳ	2.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH TMDV Akisei	3.665.036.000	(3.665.036.000)	3.665.036.000	(3.665.036.000)
Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Ánh Minh	-	-	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Giáp Phát	15.506.706.000	(15.506.706.000)	24.023.450.000	-
Các nhà cung cấp khác	6.524.852.633	(101.540.900)	4.208.897.245	-
	146.831.683.032	(113.813.672.900)	163.877.773.245	(98.205.426.000)

(*) Tập đoàn ứng tiền theo hợp đồng hợp tác số 01/2021/CBLT-CN ngày 20/12/2021 với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thực hiện thu mua lúa gạo (Tổng ứng 62.000.000.000 VND, đã hoàn ứng 37.500.000.000 VND). Hiện nay, công nợ nêu trên đã quá hạn thanh toán và được Bà Từ Thị Hồng Thanh cam kết thế chấp bằng quyền sử dụng đất và nhà kho theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo số công chứng 279 ngày 17/08/2021 (giá trúng thầu 11.512.000.000 VND) nhưng Tập đoàn chưa nắm giữ được tài sản đảm bảo này. Tập đoàn đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên và đến ngày 12/03/2024, Tòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, buộc Bà Từ Thị Hồng Thanh có trách nhiệm trả lại số tiền 24.500.000.000 VND nêu trên.

(**) Tập đoàn tạm ứng tiền để chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 11.300 m2 tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nhưng đến nay Ông Lê Quang Nhuận không tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và cũng không hoàn trả lại cho Công ty số tiền đã nhận. Đến ngày 15/03/2024, Công ty đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang để xử lý vụ việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.4.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán khác				
Bà Huỳnh Thị Thúy Vy (*)	179.040.016.890	-	179.240.016.890	-
Ông Lư Minh Sĩ (**)	34.000.000.000	-	34.000.000.000	-
Công ty TNHH Tân Kỳ	-	-	10.000.000.000	-
	213.040.016.890	-	223.240.016.890	-

- (*) Tập đoàn đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thúy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022.

Nhà máy Hoàng Long tại Đồng Tháp trực thuộc Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex đặt tại Ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đều liên quan đến 06 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên và đang được Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên Tập đoàn theo Công văn số 531/STNMT-QLĐĐ ngày 14/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Chi tiết khoản trả trước cho Bà Huỳnh Thị Thúy Vy như sau:

Số tiền đã trả trước đến ngày 31/12/2024:	179.040.016.890 VND
Số tiền theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022:	182.600.000.000 VND
Trong đó:	
Số tiền theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021:	151.000.000.000 VND

Số tiền theo Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022: 31.600.000.000 VND

Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021 và phụ lục hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt bằng hình thức văn bản.

Quyền sử dụng đất, Công trình xây dựng trên đất liên quan đã được bà Huỳnh Thị Thúy Vy thế chấp đảm bảo Trái phiếu AGMH2223001. (Xem thêm tại Thuyết minh số 5.21.1)

- (**) Tập đoàn đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất có diện tích 17.831 m³ tại Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 19, Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang với Ông Lư Minh Sĩ theo Biên bản thỏa thuận ký ngày 25/12/2021 và Công ty tạm ứng cho Ông Lư Minh Sĩ để thực hiện chuyển quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 02/HĐ-CBLT ngày 29/03/2022. Tài sản này hiện tại đang được thế chấp tại Ngân hàng BIDV.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.5 Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Công ty Cổ phần APC Holdings	373.604.783	-	-	-
Thuế GTGT tài sản góp vốn	5.363.636.364	-	5.363.636.364	-
Tạm ứng cán bộ nhân viên	35.754.714.293	(34.059.201.800)	37.011.732.613	(33.359.201.800)
Ông Lương Đặng Xuân	28.746.257.760	(28.746.257.760)	28.746.257.760	-
Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản thuê tài chính chờ ghi nhận	1.117.989.223	-	1.234.172.992	-
Lãi tiền gửi	-	-	144.640.636	-
Công ty Bảo hiểm MIC Thống Nhất (*)	1.879.394.000	-	-	-
Các đối tượng khác - phải thu khác	760.114.892	(407.947.368)	1.324.217.038	(1.036.647.368)
	73.995.711.315	(63.213.406.928)	73.824.657.403	(34.395.849.168)

(*) Đây là khoản phải thu tạm tính bồi thường tổn thất Dây chuyền xát trắng lao bóng gạo (18 tấn/h - 30 tấn/h) đến ngày 31/12/2024. Theo kết quả giám định ngày 06/03/2025 của Công ty Cổ phần giám định Vina Pacific giá trị tổn thất tạm tính để bồi thường là 1.300.325.875 VND và công ty đã dự phòng tổn thất đến ngày 31/12/2024 là 579.068.125 VND.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Các đối tượng khác - phải thu khác	1.000.000	-	18.615.228	-
	1.000.000	-	18.615.228	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.6 Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm				
Các đối tượng khác	55.735.092	39.014.564	-	-
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm				
Các đối tượng khác	15.994.655	7.997.327	-	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm				
Công ty TNHH Khánh Tây	17.000.000.000	5.633.220.508	-	-
Đồ				
Các đối tượng khác	80.953.500	9.691.050	244.196.500	108.853.950
Quá hạn trên 3 năm				
Công ty TNHH Hateco	24.100.000.000	-	-	-
Group				
Công ty TNHH Thương mại	19.924.000.000	-	-	-
Dũng Kỳ				
Công ty Cổ phần Golden	30.966.407.000	-	30.966.407.000	-
Paddy Sg				
Công ty TNHH MTV Louis	50.040.390.000	-	50.040.390.000	-
Rice Long An				
Công ty Cổ phần Golden	6.704.922.850	-	6.704.922.850	-
Paddy				
Công ty TNHH Sản xuất	15.506.706.000	-	-	-
Giáp Phát				
Ông Nguyễn Văn Tâm	11.091.100.000	-	11.091.100.000	-
Ông Lê Đỗ Tuấn Anh	6.727.101.800	-	6.727.101.800	-
Ông Trần Tấn Lực	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Ông Vũ Ngọc Long	4.540.000.000	-	4.540.000.000	-
Ông Lê Quang Nhuận	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Bà Từ Thị Hồng Thanh	24.500.000.000	-	24.500.000.000	-
Các đối tượng khác	6.761.734.258	-	6.547.762.608	-
	249.015.045.155	5.689.923.449	172.361.880.758	108.853.950

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Vào ngày 01/01/2024	(74.047.600.808)	(98.205.426.000)	(172.253.026.808)
Trích dự phòng bổ sung trong năm	(55.617.888.898)	(15.506.706.000)	(71.124.594.898)
Tăng khác	52.500.000	-	52.500.000
Vào ngày 31/12/2024	<u>(129.612.989.706)</u>	<u>(113.712.132.000)</u>	<u>(243.325.121.706)</u>

5.7 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức khác				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lê Phúc Khang (*)	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp công nghệ cao Angimex (**)	1.580.000.000	-	-	-
	<u>3.280.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.700.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản cho vay ngắn hạn với thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm và cho vay không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản cho vay ngắn hạn với thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 12%/năm và cho vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.780.870.366	(416.095.320)	6.123.921.153	-
Công cụ dụng cụ	7.854.199.617	(7.453.770.043)	8.056.778.984	-
Thành phẩm	6.845.549.600	(947.990.013)	2.417.896.151	-
Hàng hóa	2.592.490.408	-	8.488.055.772	-
	19.073.109.991	(8.817.855.376)	25.086.652.060	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	38.407.417	85.260.313
Chi phí thay thế, sửa chữa và khác	100.089.022	-
	138.496.439	85.260.313

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí san lấp mặt bằng	2.767.635.824	2.856.449.540
Công cụ và dụng cụ	87.353.937	185.973.496
Chi phí khác	1.194.384.677	2.357.074.067
	4.049.374.438	5.399.497.103

5.10 Lợi thế thương mại

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày 01/01	91.146.409.637	38.142.095.639
Tăng do hợp nhất kinh doanh Công ty con	-	56.818.523.562
Giá mua Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Đồng Tháp	-	100.000.000.000
Giá trị hợp lý tài sản thuần tại ngày mua	-	43.181.476.438
Chênh lệch	-	56.818.523.562
Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	(9.496.061.920)	(3.814.209.564)
Tại ngày 31/12	81.650.347.717	91.146.409.637

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.11 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2024	140.299.448.922	206.176.526.017	5.526.614.594	11.092.201.987	363.094.791.520
Mua sắm trong năm	-	15.514.328.182	1.252.044.000	5.846.128.000	22.612.500.182
Thanh lý, nhượng bán	(2.936.947.261)	(2.034.978.222)	-	(65.320.000)	(5.037.245.483)
Giảm khác	-	(676.000.000)	-	-	(676.000.000)
Vào ngày 31/12/2024	<u>137.362.501.661</u>	<u>218.979.875.977</u>	<u>6.778.658.594</u>	<u>16.873.009.987</u>	<u>379.994.046.219</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2024	73.320.578.225	107.993.510.070	5.334.436.359	6.424.411.306	193.072.935.960
Khấu hao trong năm	3.597.510.853	8.754.949.036	139.525.646	830.037.791	13.322.023.326
Thanh lý, nhượng bán	(2.936.947.261)	(1.791.291.448)	-	(65.320.000)	(4.793.558.709)
Giảm khác	-	(114.926.343)	-	-	(114.926.343)
Vào ngày 31/12/2024	<u>73.981.141.817</u>	<u>114.842.241.315</u>	<u>5.473.962.005</u>	<u>7.189.129.097</u>	<u>201.486.474.234</u>
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2024	<u>66.978.870.697</u>	<u>98.183.015.947</u>	<u>192.178.235</u>	<u>4.667.790.681</u>	<u>170.021.855.560</u>
Vào ngày 31/12/2024	<u>63.381.359.844</u>	<u>104.137.634.662</u>	<u>1.304.696.589</u>	<u>9.683.880.890</u>	<u>178.507.571.985</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Vào ngày 01/01/2024	<u>43.994.965.616</u>	<u>60.796.830.735</u>	<u>3.496.835.503</u>	<u>5.184.408.276</u>	<u>113.473.040.130</u>
Vào ngày 31/12/2024	<u>30.943.034.591</u>	<u>60.080.852.513</u>	<u>4.340.735.503</u>	<u>5.119.088.276</u>	<u>100.483.710.883</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một phần máy móc thiết bị của Tập đoàn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.12 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2024	91.045.137.627	91.045.137.627
Vào ngày 31/12/2024	91.045.137.627	91.045.137.627
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2024	8.276.971.791	8.276.971.791
Khấu hao trong năm	5.878.780.524	5.878.780.524
Vào ngày 31/12/2024	14.155.752.315	14.155.752.315
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2024	82.768.165.836	82.768.165.836
Vào ngày 31/12/2024	76.889.385.312	76.889.385.312

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

5.13 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền thương hiệu VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2024	204.298.767.987	62.640.000	1.596.696.000	205.958.103.987
Giảm khác	-	(62.640.000)	(152.684.000)	(215.324.000)
Vào ngày 31/12/2024	204.298.767.987	-	1.444.012.000	205.742.779.987
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2024	11.889.389.821	30.141.290	846.352.039	12.765.883.150
Khấu hao trong năm	4.654.018.788	8.700.000	131.469.106	4.794.187.894
Giảm khác	-	(38.841.290)	(41.454.518)	(80.295.808)
Vào ngày 31/12/2024	16.543.408.609	-	936.366.627	17.479.775.236
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2024	192.409.378.166	32.498.710	750.343.961	193.192.220.837
Vào ngày 31/12/2024	187.755.359.378	-	507.645.373	188.263.004.751
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Vào ngày 01/01/2024	-	-	261.375.000	261.375.000
Vào ngày 31/12/2024	-	-	261.375.000	261.375.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một phần Quyền sử dụng đất của Tập đoàn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Hệ thống thùng chứa băng tải Nhà máy Long Xuyên, Nhà máy Đa Phước	1.117.000.000	1.117.000.000
Xát trắng gạo tự động vô dao cao su và đóng mở liệu RW100 Lamico 12-15 tấn	1.228.500.000	1.228.500.000
Lau bóng gạo có hệ thống tự động phun nước và đóng mở liệu Lamico RP80A 12-15 tấn	813.600.000	813.600.000
Trồng đào tấm Lamico 12-15 tấn	1.703.940.000	1.703.940.000
Công trình Lương An Trà	7.407.407.407	-
Hạng mục : Hạ tầng kỹ thuật	368.157.000	48.560.000
	12.638.604.407	4.911.600.000

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Angimex Furious	2.673.000.000	-
Công ty TNHH Liên Hoa Đồng Tiến	5.110.000.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Ánh Minh	4.130.740.800	98.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông Nghiệp Đồng Tháp	2.143.825.369	1.869.630.489
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lê Phúc Khang	5.056.102.000	2.331.252.000
Công Ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global	-	1.174.959.954
Công ty TNHH MTV TM Minh Thư	10.400.659.410	-
Các nhà cung cấp khác (*)	2.770.908.483	11.043.989.479
	32.285.236.062	16.517.831.922

(*) Trong đó, số dư nguyên tệ là 6.099,50 USD tương ứng với số tiền là 155.372.564 VND.

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Nguyên tệ USD	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Trả trước của các tổ chức, cá nhân là các bên liên quan</i>			
Công ty Cổ phần GKM Holdings		17.462.000.000	40.700.000.000
<i>Trả trước của các tổ chức, cá nhân khác</i>			
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An		40.080.000.000	40.080.000.000
Công ty TNHH Toccoo Việt Nam		6.134.000.000	6.134.000.000
Carolina Marketing	52.075,00	1.177.415.750	1.177.415.750
Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông Nghiệp Đồng Tháp		3.489.395.139	3.489.395.139
Các khách hàng khác (*)		2.075.920.645	1.482.547.817
		70.418.731.534	93.063.358.706

(*) Trong đó, số dư nguyên tệ là 54.569,50 USD tương ứng với số tiền là 1.442.510.725 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.17 Đầu tư tài chính dài hạn

5.17.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	104.576.148.000	116.076.148.000
Lãi/ (lỗ) từ Công ty liên doanh, liên kết	(23.558.655.030)	5.072.884.134
	<u>81.017.492.970</u>	<u>121.149.032.134</u>

5.17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.455.750.000	(19.950.000)		323.950.000	(19.950.000)	
Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển	304.000.000	-	(*)	304.000.000	-	(*)
Nông nghiệp Đồng Tháp - DASCO						
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn	6.131.800.000	-	(*)	-	-	
- An Giang						
HTX Nông Nghiệp Tân Mỹ Hưng	19.950.000	(19.950.000)	(*)	19.950.000	(19.950.000)	(*)
	<u>6.455.750.000</u>	<u>(19.950.000)</u>		<u>323.950.000</u>	<u>(19.950.000)</u>	

(*) Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024 của các khoản đầu tư này.

5.18 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong năm			31/12/2024	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Tăng/ (giảm) khác	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(241.845.482)	-	49.500.000	(49.500.000)	241.845.482	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	154.336.424	190.375.862	(183.788.364)	(52.750)	-	160.871.172
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(258.406.627)	-	2.789.831.469	(1.233.627.649)	-	-	1.297.797.193
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	23.000.000	(23.000.000)	-	-	-
	(500.252.109)	154.336.424	3.052.707.331	(1.489.916.013)	241.792.732	-	1.458.668.365

Thuế giá trị gia tăng:
Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:
Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác
Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Phải trả bên liên quan</i>		
Thù lao Hội đồng quản trị	1.734.901.075	1.837.074.195
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Lãi tiền vay phải trả (*)	157.273.940.029	81.251.874.622
Chi phí hỗ trợ bán hàng	-	106.411.389
Bà Lương Đặng Xuân- trích trước chi phí	28.746.257.760	-
Trích trước chi phí khác	512.545.367	1.631.485.104
	188.267.644.231	84.826.845.310

(*) Trong đó, số dư nguyên tệ là 312.969,73 USD tương ứng với số tiền là 7.996.689.571 VND, lãi trái phiếu phải trả cho các trái chủ là 147.409.152.814 VND (xem thêm tại điểm c, mục 5.21.1).

5.20 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.20.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	1.968.079.962	1.846.631.962
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.840.000	-
Phải trả từ cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
Phải trả Công ty Cổ phần APC Holdings	18.269.040.300	18.269.040.300
Các đối tượng khác - phải trả khác	4.064.785.876	3.814.128.995
	26.723.324.931	26.347.380.050

5.20.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	780.200.000	668.200.000
Công ty TNHH Lương thực Trường Thịnh	165.000.000	-
	945.200.000	668.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.21 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn
5.21.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang - VND (a)	84.089.262.000	84.089.262.000	114.474.262.000	114.474.262.000
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang - USD (a)	263.427.360.615	263.427.360.615	259.660.520.650	259.660.520.650
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phúc An Nông	2.499.999.950	2.499.999.950	-	-
Vay cá nhân (b)	4.580.947.354	4.580.947.354	5.821.530.807	5.821.530.807
Vietinbank Leasing	1.823.634.611	1.823.634.611	2.200.043.568	2.200.043.568
Nợ dài hạn đến hạn trả				
Trái phiếu AGMH2123001 (c)	350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2223001 (d)	210.001.000.000	210.001.000.000	210.001.000.000	210.001.000.000
Vietinbank Leasing	25.363.106.790	25.363.106.790	13.780.720.103	13.780.720.103
	941.785.311.320	941.785.311.320	955.938.077.128	955.938.077.128

Chi tiết số dư khoản vay và nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Lãi suất (%)	Hạn mức VND	31/12/2024 VND
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang - VND (a)	Theo giấy nhận nợ	450.000.000.000	84.089.262.000
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang - USD (a)	Theo giấy nhận nợ	450.000.000.000	263.427.360.615
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phúc An Nông	12,0%		2.499.999.950
Vay cá nhân (b)	2,0% - 12,0%		4.580.947.354
Vietinbank Leasing	8,5%		1.823.634.611
Nợ dài hạn đến hạn trả			-
Trái phiếu AGMH2123001 (c)	7,0%		350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2223001 (d)	12,0%		210.001.000.000
Vietinbank Leasing	11,0%		25.363.106.790
			941.785.311.320

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng, cá nhân VND	Nợ thuê tài chính VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	379.956.313.457	2.200.043.568	573.781.720.103	955.938.077.128
Số tiền vay trong năm	62.550.826.210	-	-	62.550.826.210
Số tiền vay đã trả trong năm	(88.713.739.218)	(376.408.957)	(7.017.841.105)	(96.107.989.280)
Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	18.600.227.792	18.600.227.792
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	804.169.470	-	-	804.169.470
Tại ngày 31/12/2024	354.597.569.919	1.823.634.611	585.364.106.790	941.785.311.320

- (a) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang, mục đích vay dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Công ty đảm bảo khoản vay bằng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng này.
- (b) Đây là khoản vay ngắn hạn cá nhân và công nhân viên của Công ty có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 12%/năm nhằm để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Hình thức vay là tín chấp.
- (c) Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 69/NQ-HĐQT ngày 08/11/2021, Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 22/12/2021 và Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT ngày 24/12/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2123001 sẽ được sử dụng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo. Ngày đáo hạn là 9/11/2023. Theo biên bản Hội nghị người sở hữu trái phiếu AGMH2123001 tổ chức ngày 03/02/2023, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2024 Tập đoàn vẫn chưa thanh toán được lô trái phiếu này cho trái chủ.

Loại trái phiếu	: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo
Hình thức phát hành	: Bút toán ghi sổ
Mã trái phiếu	: AGMH2123001
Mệnh giá	: 1.000.000 VND/ trái phiếu
Số lượng trái phiếu	: 350.000 trái phiếu
Giá trị phát hành	: 350.000.000.000 VND
Ngày phát hành	: 09/11/2021
Ngày hoàn tất việc chào bán	: 03/01/2022
Ngày đáo hạn	: 09/11/2023
Mục đích phát hành	: dùng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo.
Lãi suất	: Lãi suất theo OC 7%/ năm
Kỳ hạn trái phiếu	: 24 tháng
Kỳ tính lãi	: 03 tháng/ 1 lần
Đơn vị tư vấn, phát hành	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta
Tài sản đảm bảo	: Quyền sử dụng đất số BO 050088, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thửa đất số 672, tờ bản đồ số 53, đường Phan Văn Hớn, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng diện tích 6.422,7 m2 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Louis Mega Tower (Mã số DN 0316962331) và các Quyền phát sinh của Tài sản này hình thành trong tương lai.

Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất số BK 453138, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thửa đất số 577 tờ bản đồ số 53, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 300 m2 thuộc sở hữu của cá nhân và các Quyền phát sinh của Tài sản này hình thành trong tương lai. Quyền sử dụng đất số CN 593539, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thửa đất số 516, tờ bản đồ số 53, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng diện tích 138 m2 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Louis Mega Tower (Mã số DN 0316962331) và các Quyền phát sinh của Tài sản này hình thành trong tương lai.
Giá trị tài sản đảm bảo	: 485.115.000.000 VND
(d)	Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT ngày 03/03/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2223001 sẽ được sử dụng để đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex (Công ty con, tổ chức phát hành sở hữu 100% vốn) nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến lúa gạo. Theo biên bản Hội nghị người sở hữu trái phiếu số 01/NQ-NSHTP ngày 04/07/2023 đã thông qua việc gia hạn trái phiếu AGMH2223001 đến ngày 14/09/2024. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 02/NQ-NSHTP ngày 05/02/2024, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ.
Loại trái phiếu	: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo
Hình thức phát hành	: Bút toán ghi sổ
Mã trái phiếu	: AGMH2223001
Mệnh giá	: 1.000.000 VND/ trái phiếu
Số lượng trái phiếu	: 300.000 trái phiếu
Giá trị phát hành	: 300.000.000.000 VND
Ngày phát hành	: 14/03/2022
Ngày hoàn tất việc chào bán	: 06/04/2022
Mục đích phát hành	: Dùng để góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến gạo.
Lãi suất	: Lãi suất theo Nghị quyết số 02/NQ-CSHTP ngày 05/02/2024 của trái chủ 12%/năm
Kỳ hạn trái phiếu	: 18 tháng
Kỳ tính lãi	: 03 tháng/ 1 lần
Đơn vị tư vấn, phát hành	: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Ngày đáo hạn	: Ngày đáo hạn trước khi được được gia hạn 14/09/2023, Ngày đáo hạn sau khi được gia hạn 14/09/2024.
Tài sản đảm bảo	Thửa đất số 134, Tờ bản đồ số 47, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 167,5 m2, Loại: SKC, Sổ giấy chứng nhận: DG 705594) Thửa đất số 80, Tờ bản đồ số 47, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 311 m2; Loại: SKC; Sổ giấy chứng nhận: DG 707599) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 90, Tờ bản đồ số 55, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 29.395 m2; Loại: SKC; Sổ giấy chứng nhận: DG 707595: - Quyền sử dụng đất: (29.395 m2) - Máy móc thiết bị - Công trình xây dựng (8.496 m2)

Tài sản đảm bảo : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 91, Tờ bản đồ số 55, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 8.000 m2; Loại: SKC; Sổ giấy chứng nhận: DG 707600:
- Quyền sử dụng đất: (8.000 m2)
- Công trình xây dựng (4.720 m2)
Thửa đất số 102, Tờ bản đồ số 55, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 2.315 m2; Loại: SKC; Sổ giấy chứng nhận: DG 707597)
Thửa đất số 146, Tờ bản đồ số 14, 137 Trần Bình Trọng, Quận 5, TP. HCM (Diện tích: 134 m2, Loại: ODT; Sổ giấy chứng nhận: BK 474733)
Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 20, Tờ bản đồ số 17, Xã Tâm Thắng, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông (Diện tích: 2.875 m2; Loại: ONT; Sổ giấy chứng nhận BC 899336)
- Quyền sử dụng đất
- Công trình xây dựng
Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa 26, 39 Tờ bản đồ số 79, Thửa đất số 49, 106, 55, 134, 133 Tờ bản đồ số 69, Thửa đất số 6, 20 Tờ bản đồ số 68 tại ấp Thanh Niên, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang của Sở TN&MT Tỉnh An Giang cấp cho Công ty CP Louis Holdings
Số lượng CP: 1.320.225 CP của Công ty Cổ phần Dược phẩm Lâm Đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Holdings

Giá trị tài sản đảm bảo : 337.151.684.219 VND

Tiền độ giải ngân trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu	Phương án phát hành		Thực tế	
	Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân	Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân
		VND		VND
Trái phiếu AGMH2123001				
Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp	09/11/2021	350.000.000.000	09/11/2021	350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2223001				
Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	14/03/2022	300.000.000.000	14/03/2022	300.000.000.000
Tổng cộng		650.000.000.000		650.000.000.000

Tình hình sử dụng nguồn vốn trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu	Mã Trái phiếu	Tình hình sử dụng vốn lũy kế đến ngày 31/12/2023	Tình hình sử dụng vốn trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)	Tình hình sử dụng vốn lũy kế đến ngày 31/12/2024
		VND	VND	VND
Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp	AGMH2123001 (*)	350.000.000.000	-	350.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	AGMH2223001 (**)	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Tổng cộng		650.000.000.000	-	650.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(*) Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu AGMH2123001 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền thu (VND)	Số tiền chi (VND)	Số dư
1.	Tiền thu từ phát hành trái phiếu	350.000.000.000		
2.	Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp		200.085.251.397	
2.1	Thanh toán tiền mua Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất Kho Lộc Văn		57.585.251.397	
2.2	Thanh toán tiền mua nhà xưởng theo HĐ số 03/2021/HĐMBNX/AMC-AGM		35.000.000.000	
2.3	Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo HĐ số 06/2021/HĐMBMMTB/AMC-AGM		48.500.000.000	
2.4	Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo HĐ số 07/2021/HĐMBMMTB/AMC-AGM		59.000.000.000	
3.	Phí quản lý tài sản thế chấp đảm bảo cho phát hành trái phiếu AGMH2123001		2.200.000.000	
4.	Đặt cọc cho bà Huỳnh Thị Thuý Vy để chuyển nhượng mua các Quyền sử dụng đất liên quan đến Nhà máy gạo tại Đồng Tháp		147.720.000.000	
4.1	Chuyển tiền cọc ngày 28/12/2021		105.700.000.000	
4.2	Chuyển tiền cọc ngày 07/01/2022		14.200.000.000	
4.3	Chuyển tiền cọc ngày 11/01/2022		27.820.000.000	
	Tổng cộng	350.000.000.000	350.005.251.397	(5.251.397)

(**) Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu AGMH2223001 như sau:

Ngày	Nội dung	Số tiền VND
10/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	26.000.000.000
11/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	18.600.000.000
14/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	9.600.000.000
15/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	55.000.000.000
16/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	15.500.000.000
17/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	4.800.000.000
18/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	28.100.000.000
21/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	18.700.000.000
21/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	3.000.000.000
22/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	38.300.000.000
23/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	15.300.000.000
24/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	14.300.000.000
25/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	3.700.000.000
28/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	11.100.000.000
29/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	13.900.000.000
30/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	5.700.000.000
31/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	13.000.000.000
01/04/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	3.150.000.000
04/04/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	1.400.000.000
04/04/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	850.000.000
	Tổng cộng nợ phát hành	300.000.000.000
	Đã thanh toán nợ gốc	(89.999.000.000)
	Nợ gốc Trái phiếu đến ngày 31/12/2024:	210.001.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tình hình thanh toán nợ trái phiếu được chi tiết như sau:

Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu	Ngày đáo hạn	Số dư lũy kế đến ngày 31/12/2023	Số tiền đã thanh toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Số dư lũy kế đến ngày 31/12/2024
		VND	VND	VND
Trái phiếu AGMH2123001		350.000.000.000	-	350.000.000.000
Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp	09/11/2023	350.000.000.000	-	350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2223001		210.001.000.000	-	210.001.000.000
Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	14/09/2024 (Ngày đáo hạn trước khi được được gia hạn là 14/09/2023)	210.001.000.000	-	210.001.000.000
Tổng cộng		560.001.000.000	-	560.001.000.000

Tình hình thanh toán lãi trái phiếu được chi tiết như sau:

Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu		Lãi Trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2023 chưa thanh toán	Lãi Trái phiếu phát sinh trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)	Lãi Trái phiếu phát lũy kế đến ngày 31/12/2024 chưa thanh toán
		VND	VND	VND
Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp	AGMH2123001	54.588.911.362	42.115.068.493	96.703.979.855
Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	AGMH2223001	25.436.011.534	25.269.161.425	50.705.172.959
Tổng cộng		80.024.922.896	67.384.229.918	147.409.152.814

Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thực hiện thanh toán đủ nợ gốc và lãi trái phiếu đã quá hạn thanh toán cho các Trái chủ.

5.21.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Vietinbank Leasing	30.675.378.757	30.675.378.757	42.892.197.279	42.892.197.279
Nợ dài hạn đến hạn trả	(18.600.227.792)	(18.600.227.792)	(12.216.818.522)	(12.216.818.522)
	12.075.150.965	12.075.150.965	30.675.378.757	30.675.378.757

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiết số dư khoản vay và nợ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	31/12/2024 VND
Vietinbank Leasing	11,0%	25 tháng	12.075.150.965
			12.075.150.965

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn trong năm như sau:

	Vay dài hạn VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	30.675.378.757	30.675.378.757
Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	(12.216.818.522)	(12.216.818.522)
Tại ngày 31/12/2024	18.458.560.235	18.458.560.235

5.22 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2024 VND	Trích lập quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2024 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.456.336.602	3.303.027	(537.465.137)	3.922.174.492
	4.456.336.602	3.303.027	(537.465.137)	3.922.174.492

5.23 Dự phòng phải trả dài hạn

	01/01/2024 VND	Trích lập trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2024 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.576.948.016	-	(240.850.000)	1.336.098.016
	1.576.948.016	-	(240.850.000)	1.336.098.016

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.24 Vốn chủ sở hữu

5.24.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Vào ngày 01/01/2023	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	(70.736.709.418)	55.265.019.608	292.013.310.190
Lỗi trong năm	-	-	-	(214.921.711.384)	(5.943.895.672)	(220.865.607.056)
Hoàn nhập lại các quỹ vào lợi nhuận	-	(120.464.000.000)	(5.021.000.000)	125.485.000.000	-	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	(49.321.123.936)	(49.321.123.936)
Vào ngày 31/12/2023	182.000.000.000	-	-	(160.173.420.802)	-	21.826.579.198
Vào ngày 01/01/2024	182.000.000.000	-	-	(160.173.420.802)	-	21.826.579.198
Lỗi trong năm	-	-	-	(259.794.620.031)	-	(259.794.620.031)
Tăng từ thoái vốn đầu tư công ty con	-	-	-	3.217.346.276	-	3.217.346.276
Giảm do thoái vốn tại công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	(9.013.051.734)	-	(9.013.051.734)
Vào ngày 31/12/2024	182.000.000.000	-	-	(425.763.746.291)	-	(243.763.746.291)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.24.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Các cổ đông khác	182.000.000.000	100,00%	182.000.000.000	100,00%
	182.000.000.000	100,00%	182.000.000.000	100,00%

5.24.3 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.200.000	18.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
	18.200.000	18.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	18.200.000	18.200.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.25 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

5.25.1 Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	1.437.163.154	861.355.425
Trên 01 năm đến 05 năm	5.748.652.616	3.445.421.700
Trên 05 năm	38.911.724.091	23.990.379.725
	46.097.539.861	28.297.156.850

5.25.2 Cam kết góp vốn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp Công nghệ cao Angimex	-	24.600.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex (*)	-	20.000.000.000
	-	44.600.000.000

(*) Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex được thành lập ngày 18/04/2022, từ ngày thành lập đến nay Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang chưa thực hiện góp vốn vào. Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 333/NQ-HĐQT ngày 11/10/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đã ra quyết định giải thể Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex với lý do sắp xếp lại cơ cấu tổ chức. Công ty TNHH MTV Kỹ nguyên xanh Angimex đã hoàn thành thủ tục giải thể đóng mã số thuế vào ngày 27/11/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.25.3 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

31/12/2024 01/01/2024

Ngoại tệ - USD 6.439,17 4.728,87

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2024 VND Năm 2023 VND

Doanh thu bán hàng lương thực	195.657.390.940	334.689.694.637
Doanh thu bán xe honda, phụ tùng, dịch vụ sửa chữa	-	409.519.027.472
Doanh thu bán phân bón, lúa giống	15.678.282.387	34.169.134.950
Doanh thu dịch vụ CNC	168.651.428	665.365.505
Doanh thu khác	29.417.005.722	9.728.621.303
	240.921.330.477	788.771.843.867

6.1.1 Các khoản giảm trừ doanh thu

Năm 2024 VND Năm 2023 VND

Chiết khấu thương mại	-	300.920.694
Hàng bán bị trả lại	1.517.975	506.926.450
	1.517.975	807.847.144

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Năm 2024 VND Năm 2023 VND

Công ty TNHH Angimex Furious	12.869.070.908	-
Công Ty TNHH Angimex - Kitoku	769.954.680	769.954.680
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng	8.238.000.000	-
Công ty TNHH Liên Hoa Đồng Tiến	37.181.571	-
	21.914.207.159	769.954.680

6.2 Giá vốn hàng bán

Năm 2024 VND Năm 2023 VND

Giá vốn bán hàng lương thực	184.443.580.791	369.306.254.286
Giá vốn bán xe honda, phụ tùng	-	377.338.991.193
Giá vốn bán phân bón, lúa giống	15.077.859.153	21.741.810.539
Giá vốn dịch vụ CNC, gia công	143.609.732	512.269.477
Giá vốn khác	40.734.931.185	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.817.855.376	-
	249.217.836.237	768.899.325.495

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	157.363.835	2.158.956.767
Lãi thuần từ thanh lý khoản đầu tư vào đơn vị khác	1.051.093.177	15.932.514.422
Lãi chênh lệch tỷ giá	257.794.344	1.182.108.493
Lãi từ chuyển nhượng vốn góp	7.730.929.660	-
Lãi khác	-	449.454.536
	9.197.181.016	19.723.034.218

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	93.173.237.828	111.260.639.541
Chi phí đầu tư tài chính	1.008.218.654	83.613.525
Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư	-	(17.950.666.604)
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	328.417.631
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.174.198.969	7.735.928.431
Lỗ do chuyển nhượng vốn góp	-	802.500.002
Chi phí tài chính khác	931.544.620	621.328.587
	107.287.200.071	102.881.761.113

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí cho nhân viên	2.472.043.580	24.164.740.369
Chi phí vật liệu, bao bì	975.759.935	7.077.413.688
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	2.250.881.993
Chi phí vận chuyển bốc xếp	1.372.485.629	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.580.780	9.068.566.372
Các chi phí khác	2.010.099.729	3.902.848.704
	6.951.969.653	46.464.451.126

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí cho nhân viên	6.415.860.163	9.883.209.621
Thuế phí và lệ phí	12.323.099	850.006.134
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.795.183.528	6.663.733.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.435.067.133	985.492.392
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	71.046.567.548	37.844.855.273
Lợi thế thương mại	9.496.061.920	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.587.884	7.989.715.521
Các chi phí khác	32.127.263.011	2.874.182.712
	128.366.914.286	67.091.195.302

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi thanh lý tài sản	342.676.862	-
Trong đó:		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	586.363.636	-
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định	(243.686.774)	-
Thu nhập khác	1.219.715.340	19.622.349.686
	1.562.392.202	19.622.349.686

6.8 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi thanh lý tài sản	-	26.461.586.228
Trong đó:		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	(109.433.548.636)
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định	-	135.895.134.864
Chi phí khác	980.509.750	13.508.074.801
	980.509.750	39.969.661.029

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.318.281.919	224.293.858.428
Chi phí nhân công	12.231.645.152	13.348.548.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.462.614.204	17.597.377.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.449.507.746	23.284.405.333
Chi phí khác	2.219.994.524	5.397.473.671
	91.682.043.545	283.921.662.894

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(259.794.620.031)	(214.921.711.384)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(259.794.620.031)	(214.921.711.384)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(14.274)	(11.809)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	62.550.826.210	621.028.030.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	88.713.739.218	844.766.306.987

7.3 Trả nợ gốc thuê tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	7.394.250.062	8.114.807.725

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

I Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bổ trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Các khoản vay và nợ	941.785.311.320	12.075.150.965	953.860.462.285
Phải trả người bán	32.285.236.062	-	32.285.236.062
Phải trả khác và chi phí phải trả	213.252.228.087	945.200.000	214.197.428.087
	1.187.322.775.469	13.020.350.965	1.200.343.126.434
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Các khoản vay và nợ	955.938.077.128	30.675.378.757	986.613.455.885
Phải trả người bán	16.517.831.922	-	16.517.831.922
Phải trả khác và chi phí phải trả	109.337.151.165	668.200.000	110.005.351.165
	1.081.793.060.215	31.343.578.757	1.113.136.638.972

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố, thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.4.2, 5.11, 5.13).

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	80.134.784.846	171.325.466.066	80.134.784.846	171.325.466.066
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	851.763.953	3.989.963.953	851.763.953	3.989.963.953
Các khoản phải thu khác	75.696.711.315	75.543.272.631	75.696.711.315	75.543.272.631
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư tài chính dài hạn	6.435.800.000	121.453.032.134	6.435.800.000	121.453.032.134
	163.119.060.114	372.311.734.784	163.119.060.114	372.311.734.784
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	953.860.462.285	986.613.455.885	953.860.462.285	986.613.455.885
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả người bán	32.285.236.062	16.517.831.922	32.285.236.062	16.517.831.922
Phải trả khác	214.197.428.087	110.005.351.165	214.197.428.087	110.005.351.165
	1.200.343.126.434	1.113.136.638.972	1.200.343.126.434	1.113.136.638.972

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương, thưởng và thù lao		1.429.947.804	2.186.040.500
Nghiêm Hải Anh	Chủ tịch	-	200.000.000
Ông Lê Tiến Thịnh	Chủ tịch	216.822.581	-
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	42.466.667	-
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh Hiếu	Thành viên	42.466.667	-
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên	12.600.000	-
Ông Lương Đức Tâm	Tổng Giám đốc	148.411.560	-
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc	606.564.583	859.600.000
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám Đốc	-	150.000.000
Ông Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám Đốc	-	310.084.300
Ông Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám Đốc	-	274.006.200
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	342.331.875	392.350.000
Ông Huỳnh Minh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	18.283.871	-

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh với các công ty là các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH Angimex - Kitoku		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	769.954.680	769.954.680
Cổ tức được chia	1.129.208.380	1.028.178.600
Công ty Cổ phần Louis Holdings		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.829.090.908	6.000.000.000
Mua hàng hóa	9.720.000.000	-
Chi phí lãi vay	-	86.485.584
Trả nợ vay	-	1.900.000.000
Công ty TNHH Liên Hoa Đồng Tiến		
Mua hàng hóa	11.218.418	-
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.238.000.000	-
Mua cổ phiếu	8.832.600.000	31.581.000.000
Bán cổ phiếu	7.916.390.000	32.085.600.000
Công ty TNHH Liên Hoa Đồng Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	37.181.571	-
Công ty Cổ phần An Trường An - Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Ứng trước chi phí thi công công trình	237.164.909	-

Công nợ phải thu, phải trả với các công ty là các bên liên quan xem tại mục 5.3, 5.4.1, 5.5.1, 5.15, 5.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

9.3.1 Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:
Kinh doanh lương thực
Kinh doanh phân bón, lúa giống và dịch vụ CNC
Khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2024	Doanh thu bán lương thực	Doanh thu bán phân bón, lúa giống và dịch vụ CNC	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	195.655.872.965	15.846.933.815	29.417.005.722	240.919.812.502
Chi phí phân bổ	(192.842.945.263)	(15.221.468.885)	(41.153.422.089)	(249.217.836.237)
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.812.927.702	625.464.930	(11.736.416.367)	(8.298.023.735)
Chi phí không phân bổ				(135.318.883.939)
Thu nhập hoạt động tài chính				9.197.181.016
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(18.669.575.754)
Chi phí hoạt động tài chính				(107.287.200.071)
Thu nhập khác				1.562.392.202
Chi phí khác				(980.509.750)
Lợi nhuận trước thuế				(259.794.620.031)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN				(259.794.620.031)
Vào ngày 31/12/2024				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản không phân bổ				1.036.892.571.880
Tổng tài sản				1.036.892.571.880
Nợ phải trả không phân bổ				1.280.656.318.171
Tổng nợ phải trả				1.280.656.318.171

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Năm 2023	Doanh thu bán lương thực	Doanh thu bán phân bón, lúa giống và dịch vụ CNC	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	334.496.218.217	409.465.968.836	44.001.809.670	787.963.996.723
Chi phí phân bổ	(369.306.254.286)	(377.338.991.193)	(22.254.080.016)	(768.899.325.495)
Kết quả kinh doanh bộ phận	(34.810.036.069)	32.126.977.643	21.747.729.654	19.064.671.228
Chi phí không phân bổ				(113.555.646.428)
Thu nhập hoạt động tài chính				19.723.034.218
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(22.637.457.045)
Chi phí hoạt động tài chính				(102.881.761.113)
Thu nhập khác				19.622.349.686
Chi phí khác				(39.969.661.029)
Lợi nhuận trước thuế				(220.634.470.483)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(231.136.573)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN				(220.865.607.056)
Vào ngày 01/01/2024				
Tài sản và nợ phải trả				1.237.079.775.333
Tài sản không phân bổ				1.237.079.775.333
Tổng tài sản				1.237.079.775.333
Nợ phải trả không phân bổ				1.215.253.196.135
Tổng nợ phải trả				1.215.253.196.135

9.3.2 Thông tin bộ phận theo vị trí địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng VND
Năm 2024			
Doanh thu thuần	225.144.095.842	15.775.716.660	240.919.812.502
Giá vốn hàng bán	235.020.075.120	14.197.761.117	249.217.836.237
Lãi gộp	(9.875.979.278)	1.577.955.543	(8.298.023.735)
Năm 2023			
Doanh thu thuần	772.305.833.985	15.658.162.738	787.963.996.723
Giá vốn hàng bán	755.245.721.032	13.653.604.463	768.899.325.495
Lãi gộp	17.060.112.953	2.004.558.275	19.064.671.228

9.4 Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 425.763.746.291 VND vượt vốn chủ sở hữu là 243.763.746.291 VND và tại ngày đó, Tập đoàn có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.071.899.895.780 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Tập đoàn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị đã lập kế hoạch về lợi nhuận và đang làm việc với các tổ chức tín dụng để tái cấu trúc lại nguồn vốn vay. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

- a) Ngày 12/07/2024, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang với nội dung đưa ra xét xử sơ thẩm dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt mua trái phiếu" giữa các Trái chủ Mã Trái phiếu AGMH2123001 với Angimex và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần chứng khoán BETA và Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư AZA. Thời gian mở phiên tòa ngày 24/07/2024. Đến ngày 24/07/2024, Công ty Angimex tiếp tục nhận được các quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang liên quan đến Trái chủ mã trái phiếu AGMH2123001. Căn cứ vào bản án số 325/2024/DS-PT và bản án số 325/2024/DS-PT ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang về việc "Tranh chấp giao dịch mua bán trái phiếu" và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 05/2025/QĐ-SCBSBA và quyết định số 06/2025/QĐ-SCBSBA ngày 19/02/2025 yêu cầu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) phải trả gốc, lãi và các phí khác có liên quan theo bản án cho các trái chủ được nêu trong bản án nêu trên.
- b) Căn cứ vào Nghị quyết số 363/NQ-HĐQT ngày 19/01/2025, Hội đồng quản trị thông qua phương án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty TNHH Lương Thực Angimex từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty Cổ phần (hiện đang là Công ty con được sở hữu 100% vốn điều lệ bởi Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang) theo phương thức chủ sở hữu bán 55% phần vốn góp tại Công ty TNHH Lương Thực Angimex cho một số tổ chức, cá nhân khác qua hình thức chào bán cạnh tranh và bán cho cán bộ công nhân viên. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện.
- c) Căn cứ vào Nghị quyết số 375/NQ-HĐQT ngày 24/02/2025, Hội đồng quản trị thông qua chuyển nhượng toàn bộ vốn góp 49% của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang tại Công ty TNHH Angimex Furious (tương ứng 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Angimex Furious) với giá và phương thức công khai chào giá cạnh tranh qua thư và chào bán cho thành viên góp vốn của Công ty Cổ phần The Golden Group (TGG). Trong trường hợp Công ty TGG không có nhu cầu nhận chuyển nhượng, Angimex Công khai chào giá cạnh tranh cho các đối tác ngoài TGG.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


HUỲNH MINH PHƯƠNG
Người lập biểu


TRẦN THỊ CẨM CHÂM
Kế toán trưởng


LƯƠNG ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025

